TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 14/01/2020
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Tuấn Anh.

Ông Vũ Văn Giáp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh : Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/HNGĐ - ST ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2019/QĐXXPT- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn G, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: thôn An Tập, xã Yên Phụ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Đinh Thị Y, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Cầu Gạo, xã Yên Phụ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Bị đơn chị Đinh Thị Yến.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Vũ Văn G trình bày: Anh kết hôn với chị Đinh Thị Y ngày 18/7/2012, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Phụ. Cưới xong vợ chồng ở chung cùng gia đình chồng ngay, được một tháng thì vợ chồng ở riêng tại nhà đất của bố mẹ chồng.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, không có tình cảm. Ngoài ra còn mâu thuẫn về kinh tế, anh đưa tiền cho chị Y trả nợ thì chị Y không trả mà sử dụng vào việc khác. Anh có hỏi nhưng chị Y không thừa nhận mà còn nói dối quanh nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau.

Tháng 02/2016 anh đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản thì vợ chồng càng ít nói chuyện với nhau, tình cảm đã bắt đầu rạn nứt. Đến tháng 02/2019 anh về nước, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, tháng 5/2019 anh đuổi chị Y nên chị đã đem con về nhà đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh xác định tình cảm không còn và không thể sống chung với chị Y nên anh đề nghị được ly hôn.

- Con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Thị Tú Uyên sinh ngày 02/4/2013 và Vũ Tiến Đạt sinh ngày 24/10/2014. Khi ly hôn anh xin nuôi cháu Đạt và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị Y xin nuôi cả hai con thì anh cũng đồng ý, anh là thợ lắp điều hoà, thu nhập 6.000.000đ/tháng nên anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng.

- Tài sản chung, công nợ: Không có.

Bị đơn chị Đinh Thị Y trình bày: Chị xác nhận một phần lời khai của anh G về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 3/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh G đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản về nên sống thờ ơ, lạnh nhạt với chị, không quan tâm đến gia đình, chị cố gắng gần gũi nhưng anh G vẫn hắt hủi chị. Tháng 5/2019 vợ chồng cãi nhau, anh G đuổi chị nên chị đã đem cả hai con về nhà đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đên nay. Anh G xin ly hôn, chị không muốn hai con phải khổ nên chị không đồng ý ly hôn.

- Con chung: Vợ chồng có hai con chung như anh G đã trình bày. Nếu phải ly hôn chị xin nuôi cả hai con và yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng.

- Tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên tại bản án sơ thẩm số 25/2019/HNGĐ-ST ngày 17/10/2019 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh đã xử:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân gia đình; Điều 235, 264, 266, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: 1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn G được ly hôn chị Đinh Thị Y.

2. Về con chung: Giao cho chị Y nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là Vũ Thị Tú Uyên, sinh ngày 02/4/2013 và Vũ Tiến Đạt sinh ngày 24/10/2014. Anh G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, kể từ tháng

12/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/10/2019, chị Đinh Thị Yến kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn xin ly hôn của anh Vũ Văn G

Tại phiên tòa phúc thẩm , các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Anh Vũ Văn G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chị Đinh Thị Yến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cho chị và anh G được về đoàn tụ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán , Hội đồng xét xử , Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến tr ước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật ; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn , bị đơn đều đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, bác đơn kháng cáo của chị Đinh Thị Yến, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các bên đương sự , ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa , sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Đinh Thị Yến kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, do vậy kháng cáo của đương sự là hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Đinh Thị Yến và căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh G kết hôn với chị Y ngày 18/7/2012, trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng không có sự tin tưởng và tôn trọng nhau, vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay, trong thời gian đó cả hai bên đều không mong muốn hòa giải để

đoàn tụ vợ chồng, lý do chị Yến không muốn ly hôn với anh G là vì sợ các con phải khổ chứ không phải vì còn tình cảm với anh G. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Hơn nữa, sau khi ly thân và tại phiên tòa hôm nay chị Y cũng không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Văn G là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Văn G là có căn cứ.

Tại phiên tòa chị Đinh Thị Y trình bày chỉ kháng cáo đề nghị tòa án bác đơn ly hôn của anh Vũ Văn G để đoàn tụ vợ chồng và không kháng cáo về con chung, tài sản, công nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản, công nợ.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đinh Thị Y, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo có hiệu lực pháp luật.

Án phí: Do yêu cầu kháng không được chấp nhận nên chị Yến phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Đinh Thị Yến, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn G được ly hôn chị Đinh Thị Y.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

4. Án phí: Anh Vũ Văn G phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng (được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 000545, ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong). Anh G còn phải nộp tiếp 300.000đ tiền án phí.

Chị Đinh Thị Yến phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm . Xác nhận chị Yến đã nộp 300.000đ án phí tại biên lai thu số AA /2018/0001232 ngày 30/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Yên Phong;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện Yên Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tuyết Mai